

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH
NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO VÀ XÂY DỰNG
QUÝ IV NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO QUÝ I NĂM 2024

Điều tra xu hướng sản xuất kinh doanh (SXKD) hằng quý bao gồm 6.500 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và 5.334 doanh nghiệp ngành xây dựng được chọn mẫu điều tra, đại diện cho toàn ngành chế biến, chế tạo và xây dựng của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tổng số doanh nghiệp trả lời trong kỳ điều tra quý IV/2023 là 5.749 doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm 88,4% số doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra) và 5.045 doanh nghiệp ngành xây dựng (chiếm 94,6% số doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra). Báo cáo kết quả điều tra xu hướng SXKD gồm hai phần:

“Phần I: Xu hướng SXKD ngành công nghiệp chế biến, chế tạo”, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Tổng quan chung hoạt động SXKD; (2) Biến động của các yếu tố đầu vào (số lượng đơn đặt hàng, lao động, chi phí sản xuất, công suất sử dụng máy móc, thiết bị); (3) Dự kiến kết quả đầu ra (khối lượng sản xuất, giá bán bình quân của một sản phẩm); (4) Biến động tồn kho (tồn kho thành phẩm, tồn kho nguyên vật liệu) và (5) Kiến nghị của doanh nghiệp.

“Phần II: Xu hướng SXKD ngành xây dựng”, phản ánh nhận định của doanh nghiệp về: (1) Tổng quan chung hoạt động SXKD; (2) Biến động của các yếu tố đầu vào (lao động, chi phí sản xuất, hợp đồng xây dựng mới, năng lực hoạt động của doanh nghiệp); (3) Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh; (4) Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp và (5) Kiến nghị của doanh nghiệp.

PHẦN I. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO

Theo đánh giá của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, hoạt động SXKD quý IV/2023 tích cực hơn quý III/2023 với 69,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý IV/2023 so với quý III/2023 tốt hơn và giữ ổn định (31,7% tốt hơn và 37,9% giữ ổn định), 30,4% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn¹. Dự báo quý I/2024 khả quan hơn quý IV/2023 với 71,6% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD quý I/2024 so với quý IV/2023 tốt hơn

¹ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 67,6% doanh nghiệp đánh giá tình hình SXKD tốt hơn và giữ ổn định (30,1% tốt lên và 37,5% giữ ổn định); 32,4% doanh nghiệp đánh giá khó khăn hơn.

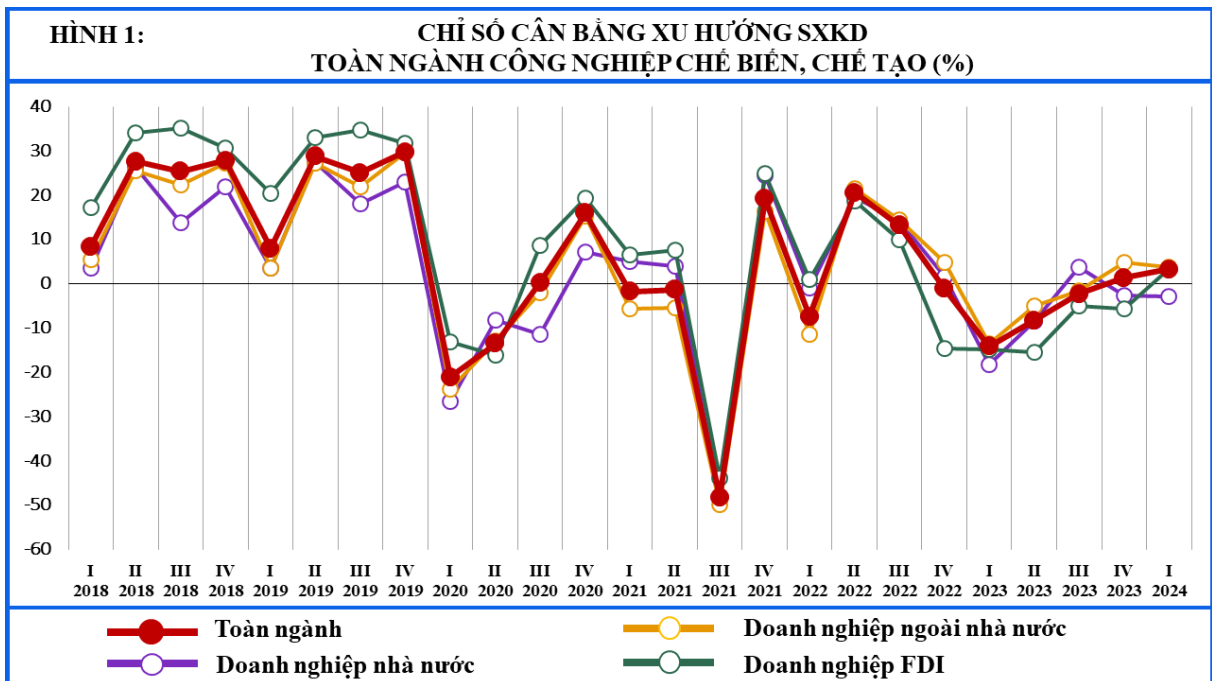
và giữ ổn định (31,6% tốt hơn, 40,0% giữ ổn định), 28,4% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn.

1. Tổng quan chung về hoạt động SXKD

Đánh giá hoạt động SXKD của doanh nghiệp có thể dựa trên các chỉ số cân bằng². Chỉ số cân bằng chung đánh giá tổng quan xu hướng SXKD của doanh nghiệp, các chỉ số cân bằng thành phần (đơn đặt hàng mới, sử dụng lao động, khối lượng sản xuất và tồn kho thành phẩm) đánh giá về từng hoạt động SXKD cụ thể của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Dưới đây là kết quả đánh giá hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra theo chỉ số cân bằng chung và các chỉ số cân bằng thành phần.

1.1. Chỉ số cân bằng chung

Chỉ số cân bằng chung đánh giá tổng quan xu hướng SXKD quý IV/2023 so với quý III/2023 là 1,3% (31,7% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD tốt hơn, 30,4% doanh nghiệp đánh giá hoạt động SXKD khó khăn hơn). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước cao nhất với 4,7% (33,5% tốt hơn, 28,8% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp nhà nước -2,7% (31,2% tốt hơn, 33,9% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp FDI -5,6% (27,7% tốt hơn, 33,3% khó khăn hơn).



Chỉ số cân bằng chung quý I/2024 so với quý IV/2023 là 3,2% (31,6% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD tốt hơn, 28,4% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD khó khăn hơn). Chỉ số cân bằng khu vực doanh nghiệp ngoài nhà

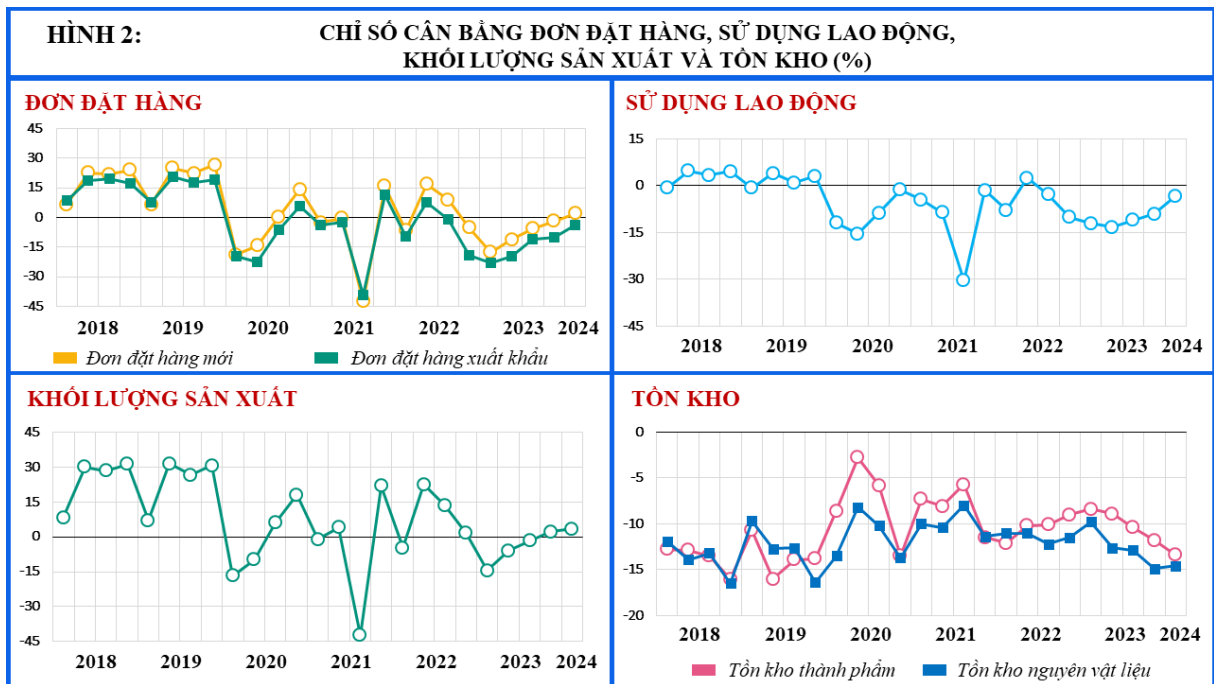
² Chỉ số cân bằng thể hiện số phần trăm doanh nghiệp nhận định tăng trừ đi số phần trăm doanh nghiệp nhận định giảm.

nước cao nhất với 3,8% (31,5% tốt hơn, 27,7% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp FDI 3,2% (32,2% tốt hơn, 29,0% khó khăn hơn); khu vực doanh nghiệp nhà nước -3,0% (30,2% tốt hơn, 33,2% khó khăn hơn).

1.2. Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới

Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới quý IV/2023 so với quý III/2023 là -1,9% (29,2% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới tăng, 31,1% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới giảm). Trong đó, chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước là 1,8%; khu vực doanh nghiệp nhà nước -6,4%; khu vực doanh nghiệp FDI -9,1%.

Chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới quý I/2024 so với quý IV/2023 là 2,0% (29,3% doanh nghiệp dự báo tăng và 27,3% doanh nghiệp dự báo giảm); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 3,5%; khu vực doanh nghiệp FDI 0,7% và khu vực doanh nghiệp nhà nước -9,6%.



1.3. Chỉ số cân bằng sử dụng lao động

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động quý IV/2023 so với quý III/2023 là -9,1% (11,2% doanh nghiệp nhận định lao động tăng, 20,3% doanh nghiệp nhận định lao động giảm). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước cao nhất với -9,0% (9,4% tăng, 18,4% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI và khu vực doanh nghiệp nhà nước cùng là -9,3% (khu vực doanh nghiệp FDI với 15,5% tăng, 24,8% giảm; khu vực doanh nghiệp nhà nước với 9,6% tăng, 18,9% giảm).

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động quý I/2024 so với quý IV/2023 là -3,4% (13,0% tăng và 16,4% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI có chỉ số cân bằng cao nhất với -0,6%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -4,5% và khu vực doanh nghiệp nhà nước -5,6%.

1.4. Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất

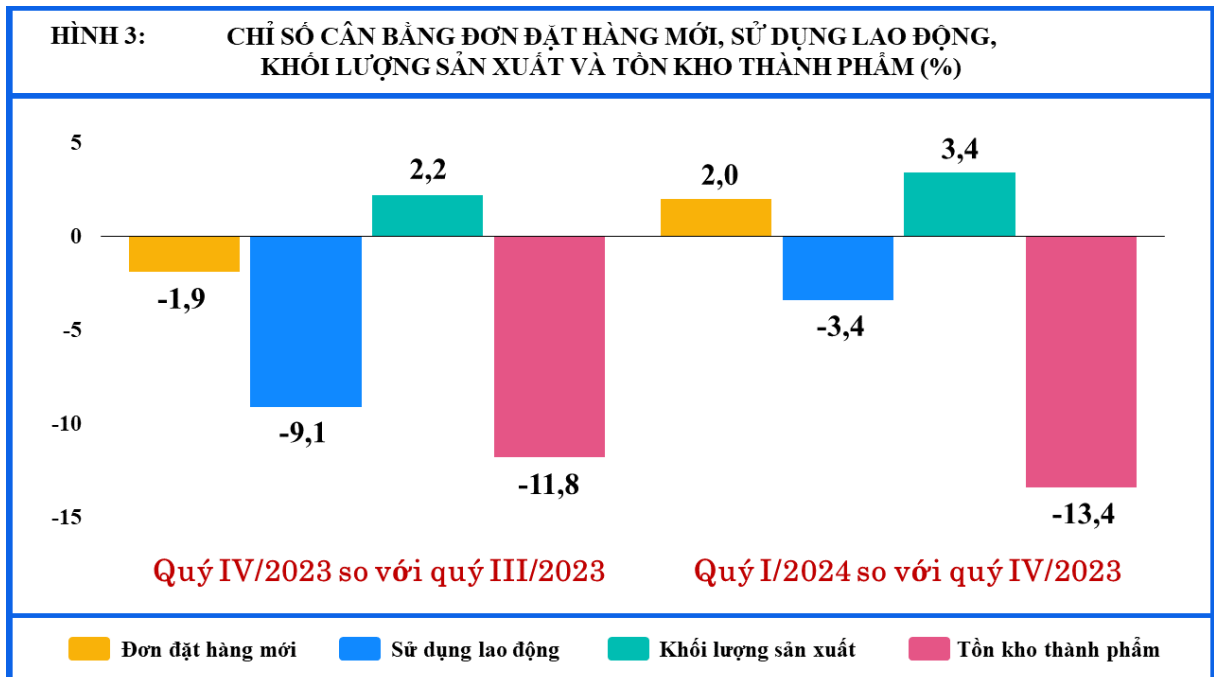
Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất quý IV/2023 so với quý III/2023 là 2,2% (32,7% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất tăng; 30,5% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất giảm). Chỉ số cân bằng của khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước cao nhất với 5,4% (34,1% nhận định tăng, 28,7% nhận định giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước với 0% (tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tăng và giảm đều là 32,9%); thấp nhất là khu vực doanh nghiệp FDI với -4,7% (29,4% tăng, 34,1% giảm).

Chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất quý I/2024 so với quý IV/2023 là 3,4% (30,5% doanh nghiệp dự báo tăng, 27,1% doanh nghiệp dự báo giảm); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước có chỉ số cân bằng đạt cao nhất với 4,4%; khu vực FDI 2,2% và khu vực doanh nghiệp nhà nước -2,0%.

1.5. Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm

Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 là -11,8% (20,2% doanh nghiệp nhận định tăng và 32,0% doanh nghiệp nhận định giảm). Chỉ số cân bằng ở khu vực doanh nghiệp FDI là -8,2% (22,9% tăng, 31,1% giảm); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -13,0% (19,2% tăng, 32,2% giảm); khu vực doanh nghiệp nhà nước -17,9% (17,3% tăng, 35,2% giảm).

Chỉ số cân bằng tồn kho thành phẩm quý I/2024 so với quý IV/2023 là -13,4% (16,1% tăng, 29,5% giảm); khu vực doanh nghiệp FDI -9,8%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước -14,3% và khu vực doanh nghiệp nhà nước -21,9%.



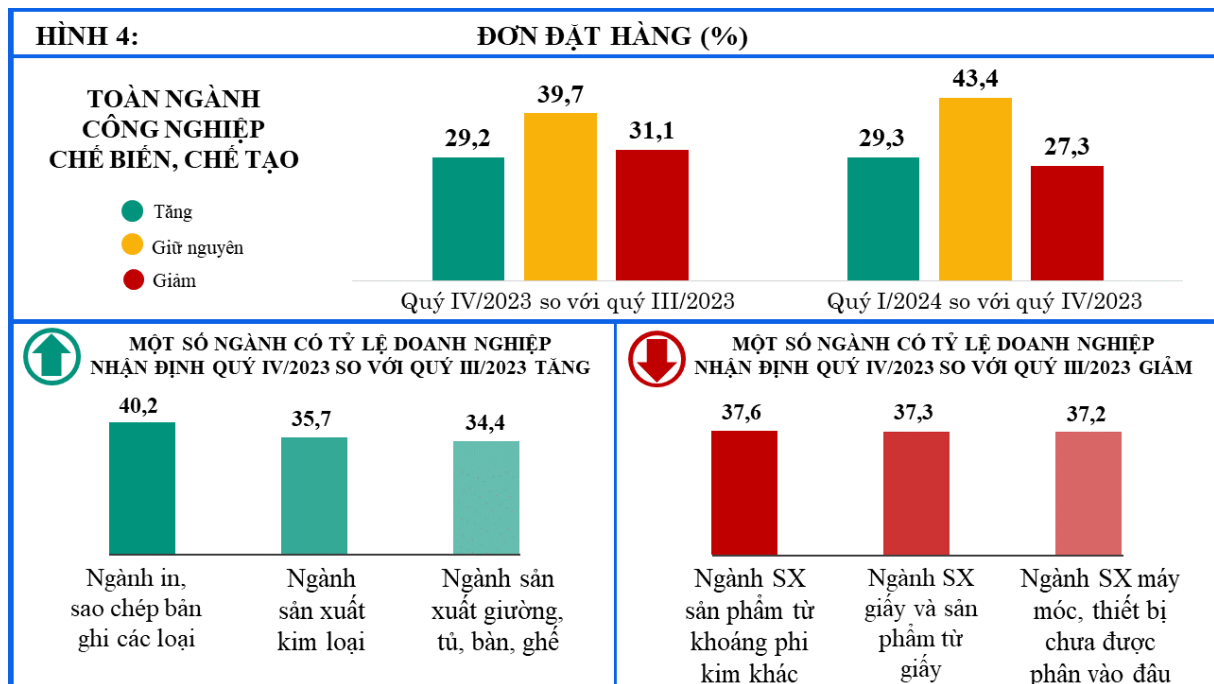
Như vậy, kết quả điều tra cho thấy quý IV/2023 hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tích cực hơn quý III/2023, đặc biệt là doanh nghiệp ngoài nhà nước. Cụ thể, chỉ số cân bằng chung quý

IV/2023 so với quý III/2023 là 1,3%, các chỉ số cân bằng thành phần đạt mức từ -11,8% đến 2,2%. Dự báo quý I/2024 khả quan hơn khi chỉ số cân bằng chung và 3/4 chỉ số cân bằng thành phần (chỉ số cân bằng đơn đặt hàng mới, chỉ số cân bằng sử dụng lao động và chỉ số cân bằng khối lượng sản xuất) tăng so với quý IV/2023.

2. Biến động của các yếu tố đầu vào

2.1. Số lượng đơn đặt hàng

Theo kết quả khảo sát quý IV/2023, có 68,9% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng mới tăng và giữ nguyên so với quý III/2023 (29,2% tăng, 39,7% giữ nguyên); 31,1% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng mới giảm³.



Theo ngành kinh tế, ngành in, sao chép bản ghi các loại có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định về đơn đặt hàng mới quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 40,2%. Ngược lại, ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định về đơn đặt hàng giảm nhiều nhất với 37,6%.

Dự báo số lượng đơn đặt hàng mới quý I/2024 so với quý IV/2023 tăng với 72,7% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (29,3% tăng, 43,4% giữ nguyên), 27,3% doanh nghiệp dự báo số lượng đơn đặt hàng mới giảm.

Đơn đặt hàng xuất khẩu mới

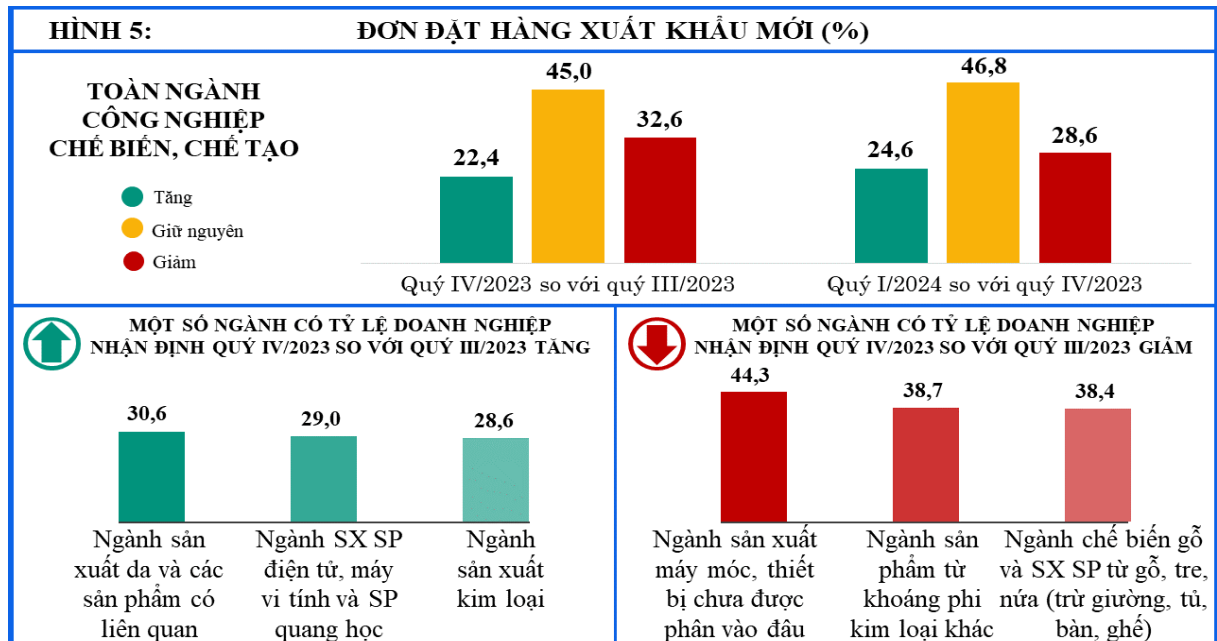
Trong số các doanh nghiệp được khảo sát, có 67,4% doanh nghiệp nhận định số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý IV/2023 tăng và giữ nguyên so với quý III/2023 (22,4% tăng, 45,0% giữ nguyên), tỷ lệ doanh nghiệp nhận định có đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm là 32,6%⁴.

³ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 66,6% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng mới tăng và giữ nguyên (27,6% tăng; 39,0% giữ nguyên) và 33,4% nhận định giảm.

⁴ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 65,7% doanh nghiệp nhận định đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng và giữ nguyên (23,0% tăng; 42,7% giữ nguyên) và 34,3% nhận định giảm.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định về đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 30,6%. Ngược lại, ngành sản xuất máy móc thiết bị chưa được phân vào đâu có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định về đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm nhiều nhất với 44,3%.

Các doanh nghiệp dự báo số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới quý I/2024 khả quan hơn với 71,4% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên so với quý IV/2023 (24,6% tăng, 46,8% giữ nguyên); 28,6% doanh nghiệp dự báo giảm.



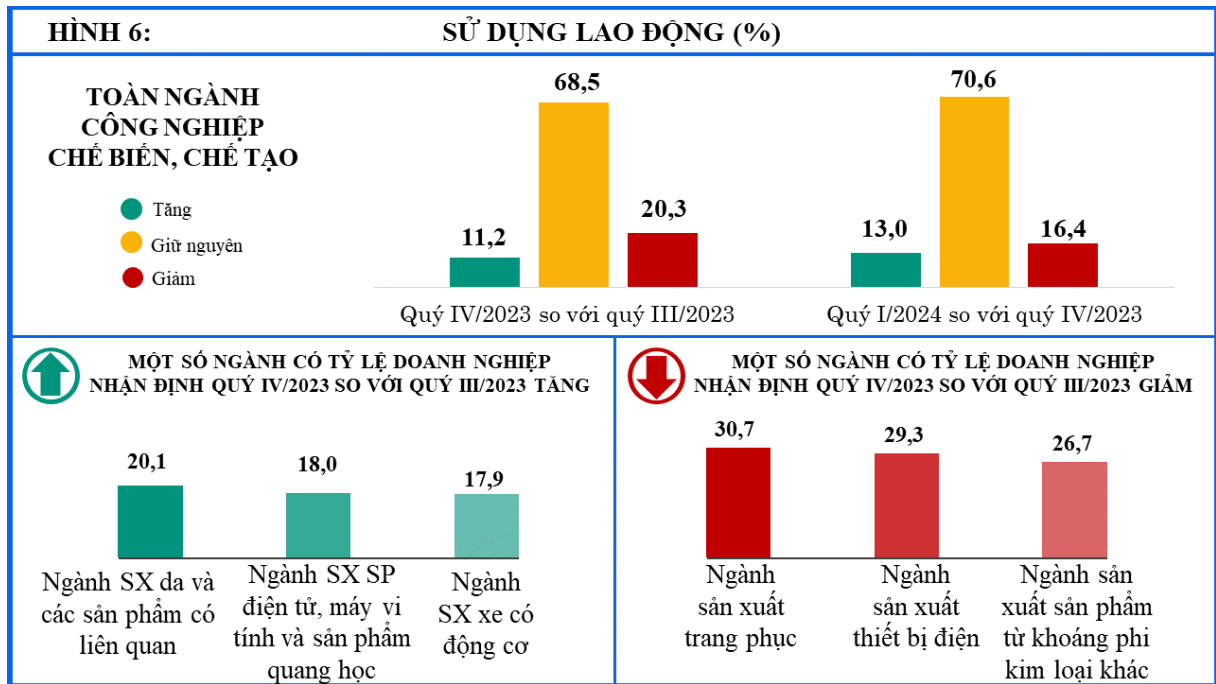
2.2. Sử dụng lao động

Lao động trong các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2023, có 11,2% doanh nghiệp nhận định sử dụng lao động so với quý III/2023 tăng; 68,5% doanh nghiệp nhận định giữ nguyên và 20,3% doanh nghiệp nhận định giảm⁵.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lao động quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 20,1%. Ngược lại, ngành sản xuất trang phục có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lao động quý IV/2023 so với quý III/2023 giảm nhiều nhất với 30,7%.

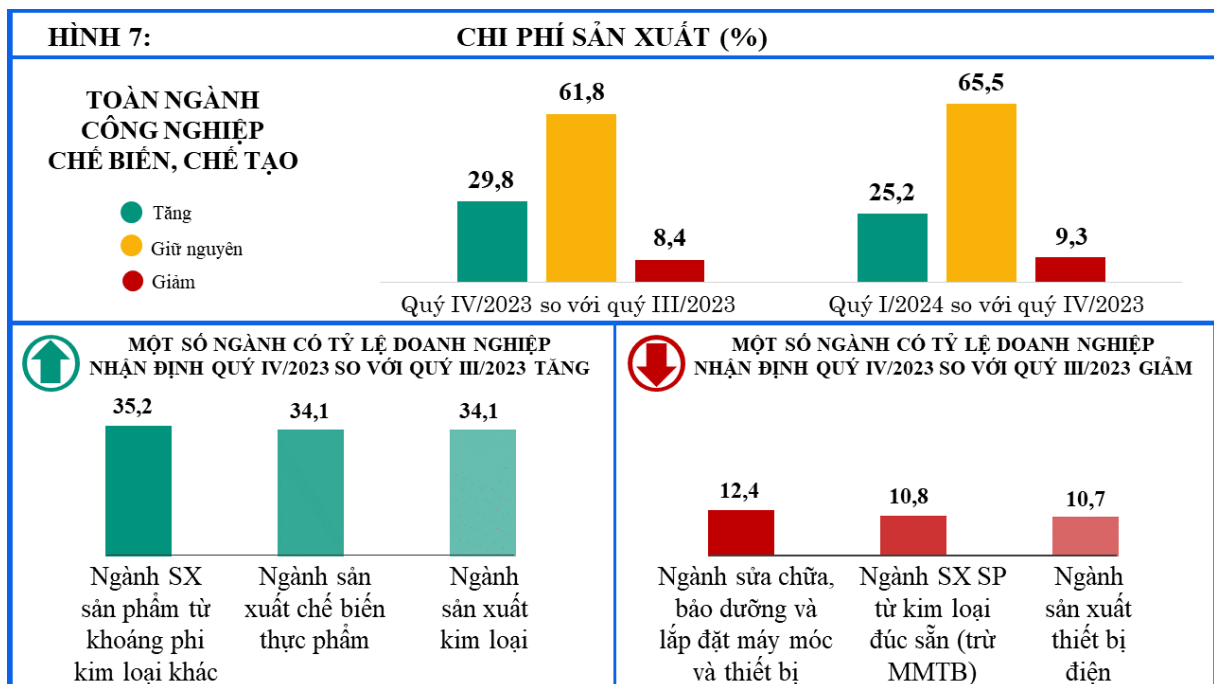
Dự báo sử dụng lao động quý I/2024 so với quý IV/2023 khả quan hơn với 83,6% số doanh nghiệp dự kiến số lao động tăng và giữ nguyên (13,0% tăng, 70,6% giữ nguyên); 16,4% doanh nghiệp dự kiến lao động giảm.

⁵ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 11,1% doanh nghiệp nhận định sử dụng lao động tăng, 66,7% giữ nguyên và 22,2% nhận định giảm.



2.3. Chi phí sản xuất

Kết quả khảo sát cho thấy, quý IV/2023 có 91,6% doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (29,8% tăng, 61,8% giữ nguyên); 8,4% doanh nghiệp nhận định giảm⁶ so với quý III/2023.



Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 35,2%. Ngược lại, ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị có tỷ lệ doanh nghiệp

⁶ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 90,9% doanh nghiệp nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (30,1% tăng; 60,8% giữ nguyên) và 9,1% nhận định giảm.

nhận định chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 giảm nhiều nhất với 12,4%.

Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023, có 90,7% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (25,2% tăng, 65,5% giữ nguyên), 9,3% doanh nghiệp dự báo chi phí sản xuất một đơn vị sản phẩm giảm.

2.4. Công suất sử dụng máy móc, thiết bị

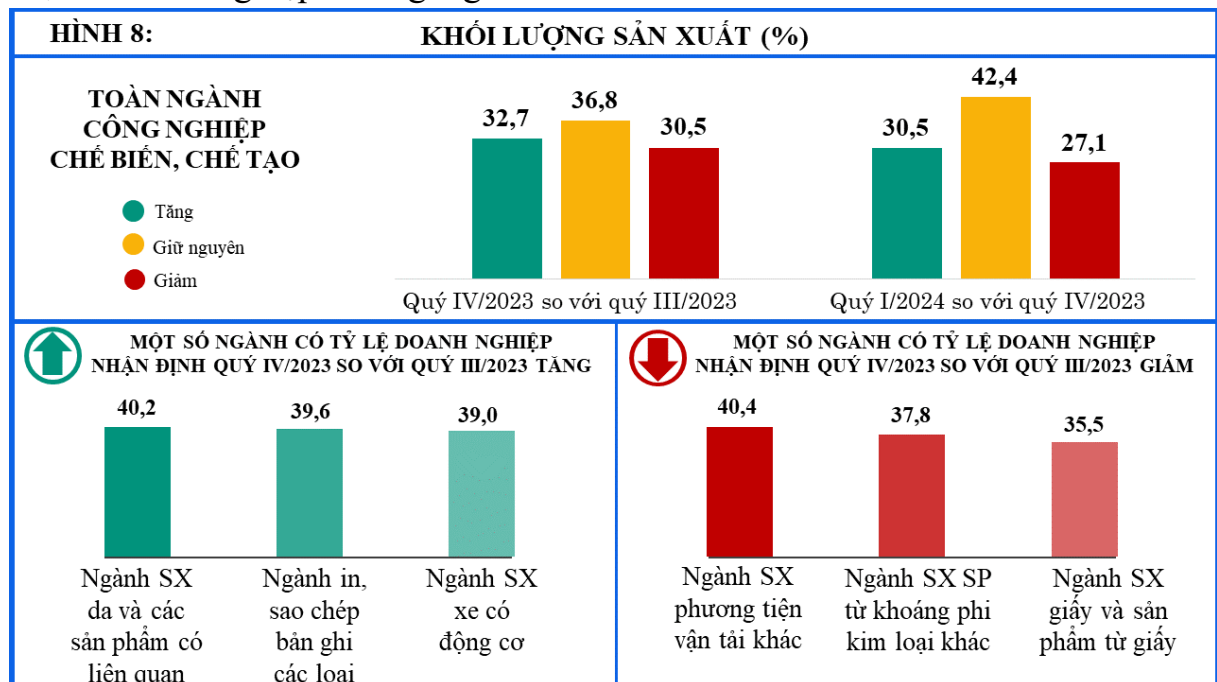
Trong quý IV/2023, công suất sử dụng máy móc, thiết bị bình quân của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo là 72,5%⁷. Có 43,2% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng máy móc, thiết bị trong khoảng từ 70% đến dưới 90%; 27,0% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 90% đến 100%; 18,8% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng từ 50% đến dưới 70% và 11,0% doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng dưới 50%.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất xe có động cơ là ngành có công suất sử dụng máy móc thiết bị cao nhất với 79,6%. Ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) và ngành sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị cùng có tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá công suất sử dụng máy móc thiết bị thấp nhất với 65,9%.

3. Dự kiến kết quả đầu ra

3.1. Khối lượng sản xuất

Kết quả khảo sát quý IV/2023, có 69,5% doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên so với quý III/2023 (32,7% tăng, 36,8% giữ nguyên), 30,5% doanh nghiệp đánh giá giảm⁸.



⁷ Chỉ số tương ứng của quý III/2023 là 72,5%.

⁸ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 67,4% doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất tăng và giữ nguyên (31,0% tăng; 36,4% giữ nguyên) và 32,6% doanh nghiệp nhận định giảm.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 40,2%. Ngược lại, ngành sản xuất phương tiện vận tải khác có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định khối lượng sản xuất giảm nhiều nhất với 40,4%.

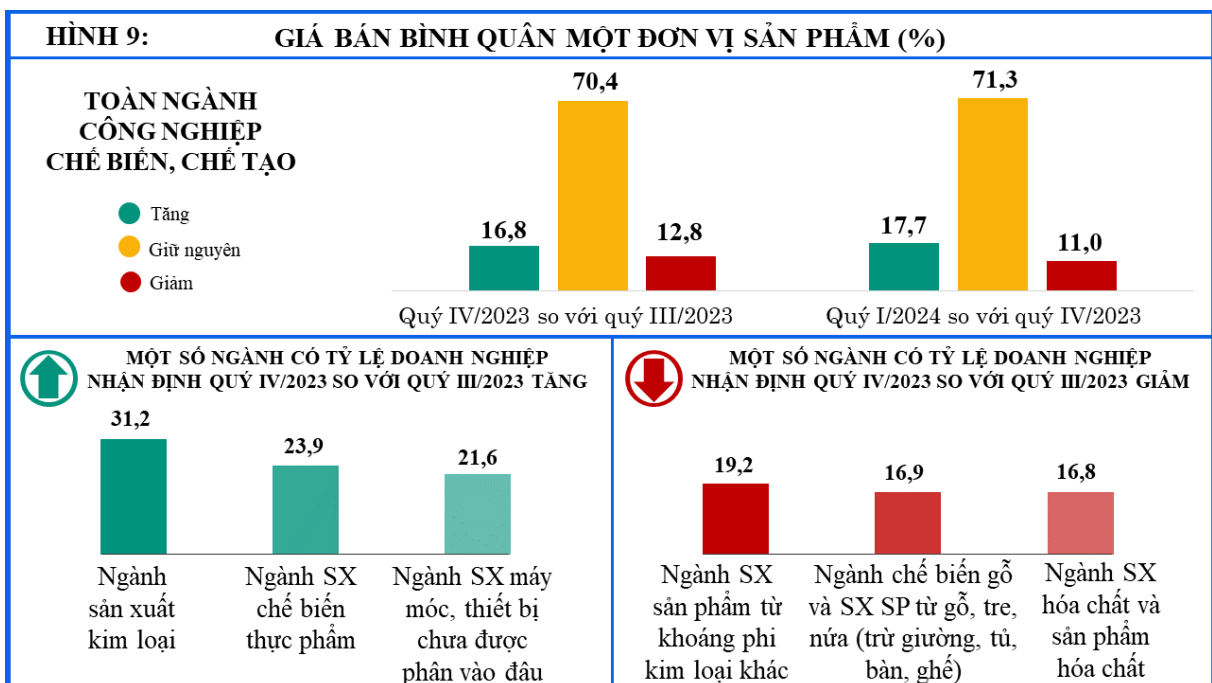
Khối lượng sản xuất quý I/2024 so với quý IV/2023 khả quan hơn với 72,9% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (30,5% tăng, 42,4% giữ nguyên), 27,1% doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất giảm.

3.2. Giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm

Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng và giữ nguyên là 87,2% (16,8% tăng, 70,4% giữ nguyên), 12,8% doanh nghiệp nhận định giảm⁹.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất kim loại có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 31,2%. Ngược lại, ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm giảm nhiều nhất với 19,2%.

Giá bán bình quân một đơn vị sản phẩm quý I/2024 so với quý IV/2023, có 89,0% doanh nghiệp dự báo tăng và giữ nguyên (17,7% tăng, 71,3% giữ nguyên), 11,0% doanh nghiệp dự báo giảm.



⁹ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 86,0% doanh nghiệp nhận định giá bình quân một đơn vị sản phẩm tăng và giữ nguyên (15,6% tăng; 70,4% giữ nguyên) và 14,0% giảm.

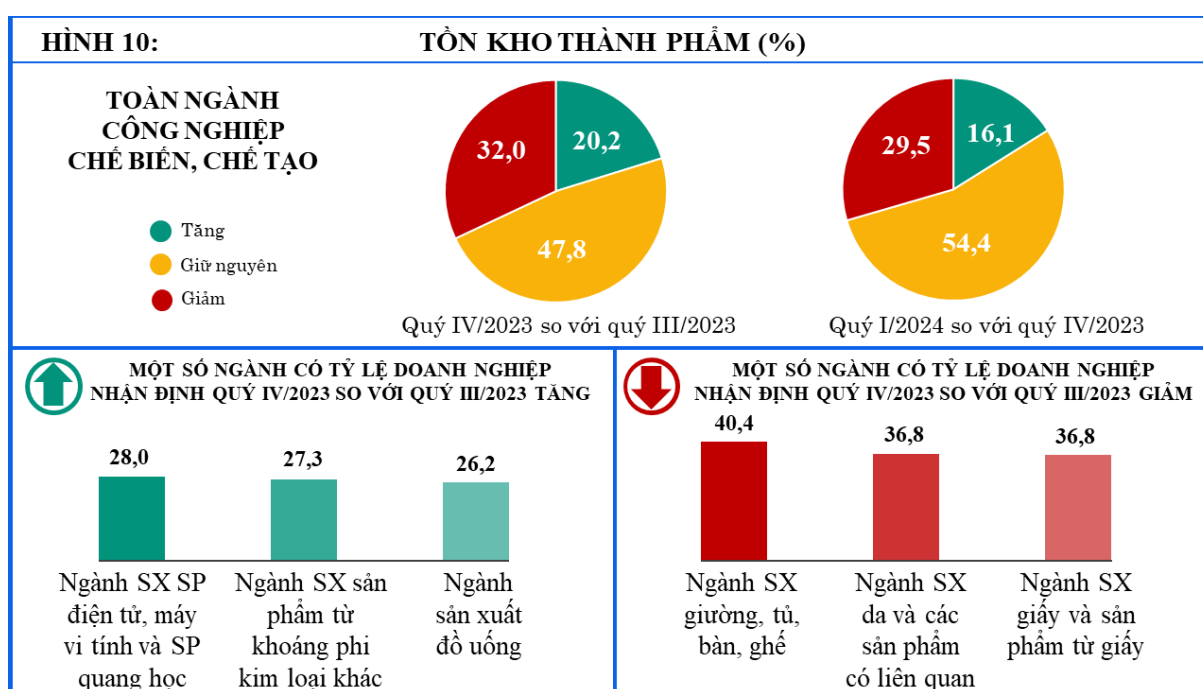
4. Biến động tồn kho

4.1. Tồn kho thành phẩm

Theo kết quả khảo sát, có 20,2% doanh nghiệp nhận định khối lượng thành phẩm tồn kho quý IV/2023 tăng so với quý III/2023; 47,8% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 32,0% đánh giá giảm¹⁰.

Theo ngành kinh tế, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tồn kho thành phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng cao nhất với 28,0%. Ngược lại, ngành sản xuất giường, tủ, bàn, ghế có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tồn kho thành phẩm quý IV/2023 so với quý III/2023 giảm nhiều nhất với 40,4%.

Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023, có 16,1% doanh nghiệp dự báo khối lượng tồn kho thành phẩm tăng; 54,4% doanh nghiệp dự báo giữ nguyên khối lượng tồn kho thành phẩm; 29,5% doanh nghiệp dự báo khối lượng tồn kho thành phẩm giảm.



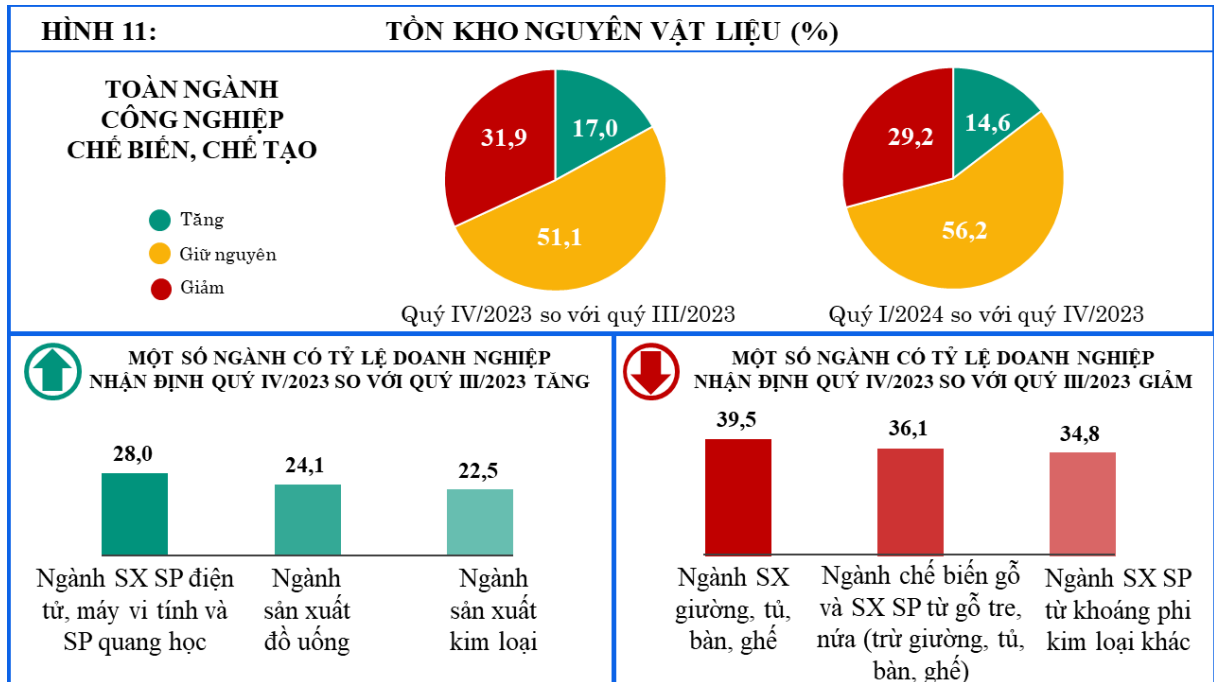
4.2. Tồn kho nguyên vật liệu

Kết quả khảo sát cho thấy, có 68,1% doanh nghiệp nhận định tồn kho nguyên vật liệu quý IV/2023 so với quý III/2023 tăng và giữ nguyên (17,0% tăng, 51,1% giữ nguyên), 31,9% doanh nghiệp nhận định giảm¹¹.

¹⁰ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 20,2% doanh nghiệp đánh giá tồn kho thành phẩm tăng; 49,2% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên; 30,6% doanh nghiệp đánh giá giảm.

¹¹ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 17,3% doanh nghiệp nhận định tồn kho nguyên vật liệu tăng; 52,5% nhận định giữ nguyên; 30,2% nhận định giảm.

Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023, có 14,6% doanh nghiệp đánh giá khối lượng tồn kho nguyên vật liệu tăng, 56,2% doanh nghiệp đánh giá giữ nguyên và 29,2% doanh nghiệp dự kiến giảm khối lượng tồn kho nguyên vật liệu.



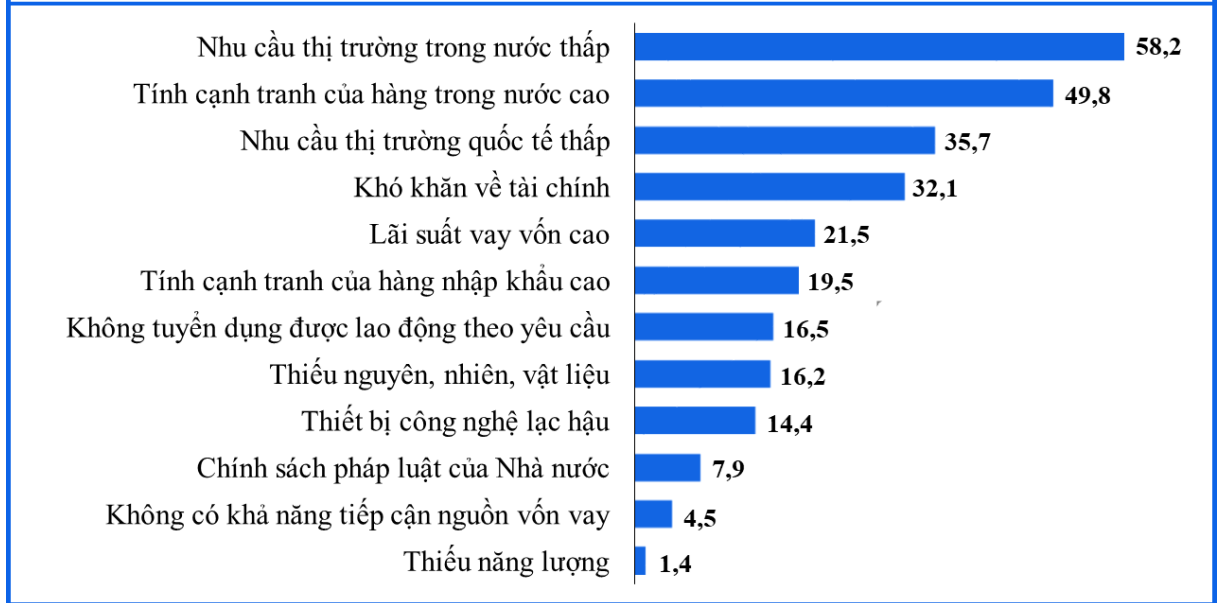
5. Kiến nghị của doanh nghiệp

Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý IV/2023 đã phục hồi tích cực hơn quý III/2023 nhưng tốc độ phục hồi còn chậm. Doanh nghiệp ngoài nhà nước với chỉ số cân bằng chung là 4,7% khả quan hơn doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI (chỉ số cân bằng chung doanh nghiệp nhà nước và FDI lần lượt là -2,7% và -5,6%).

Một số ngành có tín hiệu hồi phục nhanh hơn các ngành khác như: ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan với tỷ lệ doanh nghiệp nhận định quý IV/2023 tăng so với quý III/2023 cao hơn so với các ngành khác ở các yếu tố “khối lượng sản xuất”, “đơn đặt hàng xuất khẩu” và “sử dụng lao động”. Ngành sản xuất xe có động cơ có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định quý IV/2023 tăng so với quý III/2023 cao hơn so với các ngành khác ở các yếu tố “khối lượng sản xuất” và “sử dụng lao động”. Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học có tỷ lệ doanh nghiệp nhận định quý IV/2023 tăng so với quý III/2023 cao hơn so với các ngành khác ở các yếu tố “đơn đặt hàng xuất khẩu” và “sử dụng lao động”.

Trong quý IV/2023, hai yếu tố “nhu cầu thị trường trong nước thấp” và “tính cạnh tranh của hàng trong nước cao” vẫn là những yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp với tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn lần lượt là 58,2% và 49,8%. Yếu tố “lãi suất vay vốn cao” có tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn là 21,5%, giảm 5,7% so với quý III/2023.

HÌNH 12: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP QUÝ IV/2023 (%)



Để hỗ trợ hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong năm tiếp theo, các doanh nghiệp kiến nghị:

Thứ nhất, các địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp cũng như hỗ trợ doanh nghiệp mở các lớp đào tạo nghề để nâng cao tay nghề lao động nói chung và tay nghề lao động chuyên sản xuất hàng xuất khẩu nói riêng.

Thứ hai, doanh nghiệp kiến nghị địa phương tạo điều kiện quy hoạch quỹ đất để mở rộng các vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến, chế tạo.

Thứ ba, doanh nghiệp đề xuất nhà nước tạo điều kiện thuận lợi trong khâu lưu thông hàng hóa trong nước và quốc tế.

Thứ tư, doanh nghiệp đề nghị nhà nước có các biện pháp nhằm ổn định giá nhiên liệu và năng lượng.

PHẦN II. XU HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH XÂY DỰNG

Hoạt động SXKD của các doanh nghiệp xây dựng quý IV/2023 tốt hơn quý III/2023 với 27,4% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD thuận lợi hơn; 39,4% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD giữ ổn định và 33,2% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn¹². Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023, các doanh nghiệp xây dựng nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn với 20,2% doanh nghiệp dự báo hoạt động SXKD thuận lợi hơn; 40,9% nhận định giữ ổn định và 38,9% dự báo khó khăn hơn.

¹² Chỉ số tương ứng của quý III/2023 là: 25,5% nhận định hoạt động SXKD thuận lợi hơn; 39,2% nhận định hoạt động SXKD vẫn ổn định và 35,3% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn.

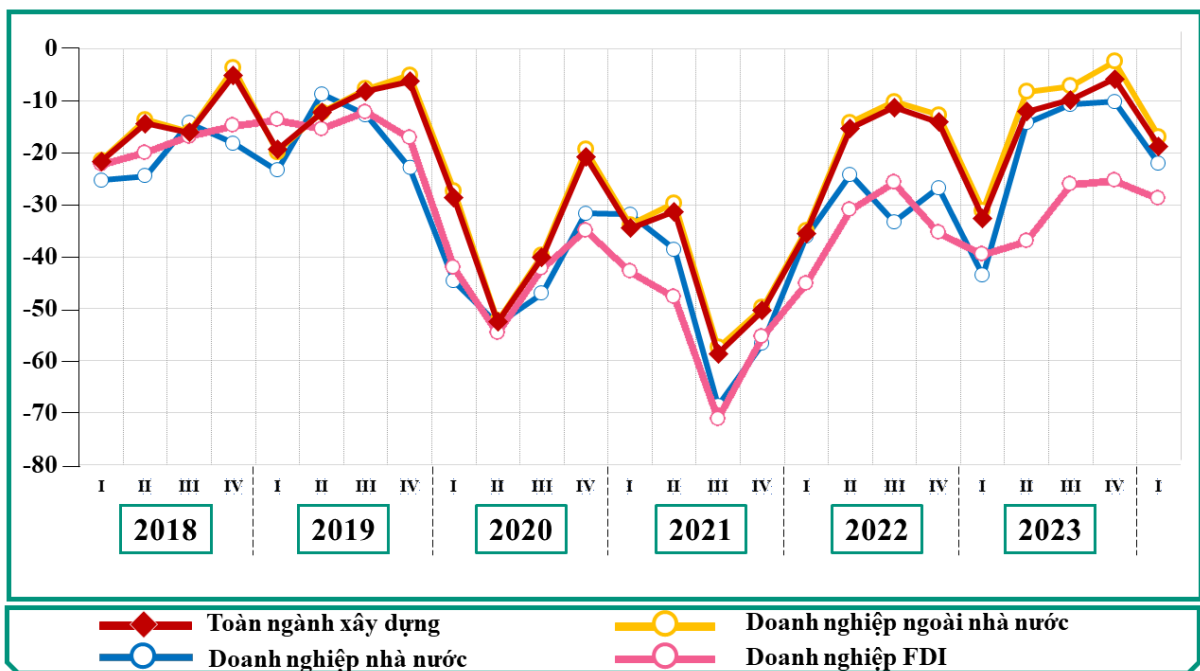
1. Tổng quan chung về hoạt động SXKD

Đánh giá hoạt động SXKD của doanh nghiệp xây dựng có thể dựa trên các chỉ số cân bằng. Chỉ số cân bằng chung đánh giá tổng quan xu hướng SXKD của doanh nghiệp, các chỉ số cân bằng thành phần (chi phí sản xuất, sử dụng lao động, hợp đồng xây dựng mới) đánh giá về từng hoạt động SXKD cụ thể của các doanh nghiệp xây dựng.

1.1. Chỉ số cân bằng chung

Chỉ số cân bằng xu hướng SXKD ngành xây dựng quý IV/2023 so với quý III/2023¹³ là -5,8% (27,4% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD thuận lợi hơn và 33,2% doanh nghiệp nhận định hoạt động SXKD khó khăn hơn). Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 khó khăn hơn với chỉ số cân bằng là -18,7% (20,2% doanh nghiệp nhận định thuận lợi hơn và 38,9% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn).

HÌNH 13: CHỈ SỐ CÂN BẰNG XU HƯỚNG SXKD NGÀNH XÂY DỰNG (%)



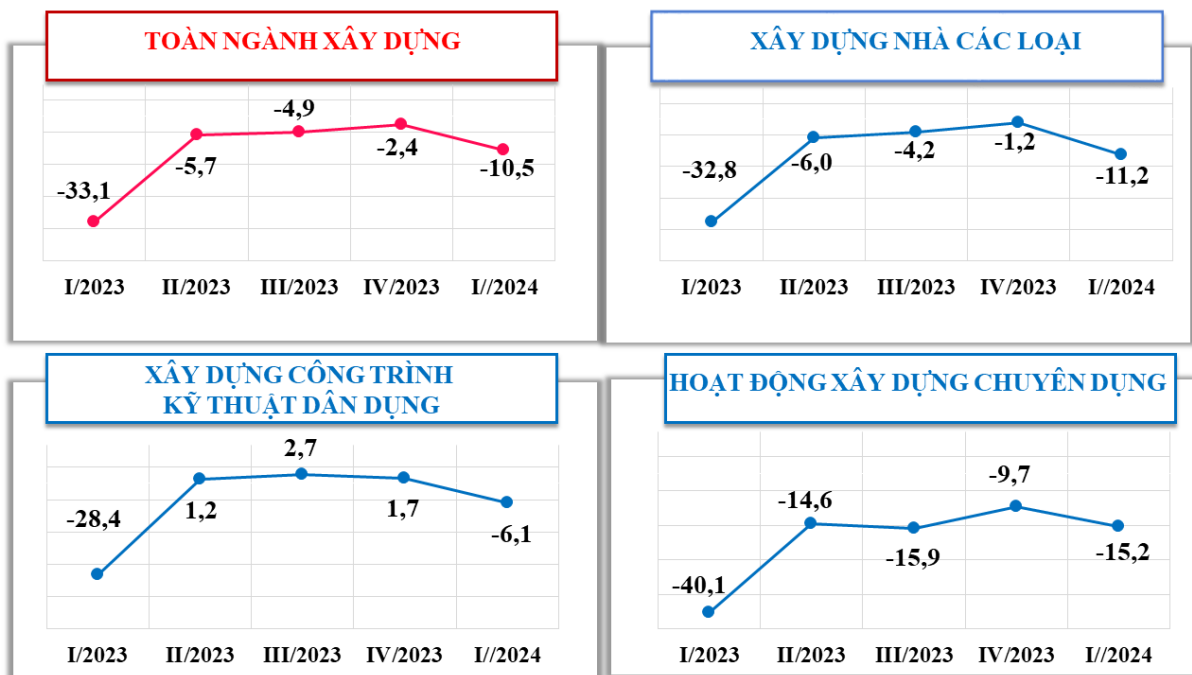
1.2. Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới

Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới quý IV/2023 so với quý III/2023 là -2,4% (24,3% doanh nghiệp nhận định tăng; 26,7% doanh nghiệp nhận định giảm). Chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới quý I/2024 so với quý IV/2023 dự báo khó khăn hơn với -10,5% (19,8% doanh nghiệp dự báo tăng; 30,3% doanh nghiệp dự báo giảm).

¹³ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: -9,8% (25,5% doanh nghiệp nhận định thuận lợi hơn và 35,3% doanh nghiệp nhận định khó khăn hơn).

Theo ngành kinh tế, quý IV/2023 so với quý III/2023, chỉ có doanh nghiệp xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng¹⁴ có chỉ số cân bằng hợp đồng xây dựng mới lớn hơn 0 (số doanh nghiệp nhận định tăng lớn hơn số doanh nghiệp nhận định giảm) với 1,7%; doanh nghiệp xây dựng nhà các loại¹⁵ -1,2%; doanh nghiệp hoạt động xây dựng chuyên dụng¹⁶ -9,7%. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 khó khăn hơn khi chỉ số cân bằng của các ngành đều nhỏ hơn 0, các doanh nghiệp xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng là -6,1%; doanh nghiệp xây dựng nhà các loại -11,2% và doanh nghiệp hoạt động xây dựng chuyên dụng -15,2%.

HÌNH 14: CHỈ SỐ CÂN BẰNG HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG MỚI (%)



1.3. Các chỉ số cân bằng chi phí sản xuất

Chỉ số cân bằng tổng chi phí cho hoạt động xây dựng quý IV/2023 so với quý III/2023 là 28,1% (46,4% doanh nghiệp dự báo tăng và 18,3% doanh nghiệp dự báo giảm)¹⁷. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 chỉ số cân bằng giảm với 16,3% (37,3% doanh nghiệp dự báo tăng và 21,0% doanh nghiệp dự báo giảm).

Chỉ số cân bằng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp quý IV/2023 so với quý III/2023 là 32,1% (48,6% doanh nghiệp dự báo tăng và 16,5% dự báo giảm)¹⁸. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 giảm với 20,7% (39,9% doanh nghiệp dự báo tăng và 19,2% dự báo giảm).

¹⁴ Bao gồm: xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình thủy, công trình điện, công trình cấp thoát nước, công trình viễn thông, nhà máy lọc dầu, công trình thể thao ngoài trời,...

¹⁵ Bao gồm: nhà ở, nhà xưởng, bệnh viện, trường học, khách sạn, nhà hàng, trung tâm thương mại, nhà ga hàng không, nhà kho, khu thể thao trong nhà, ...

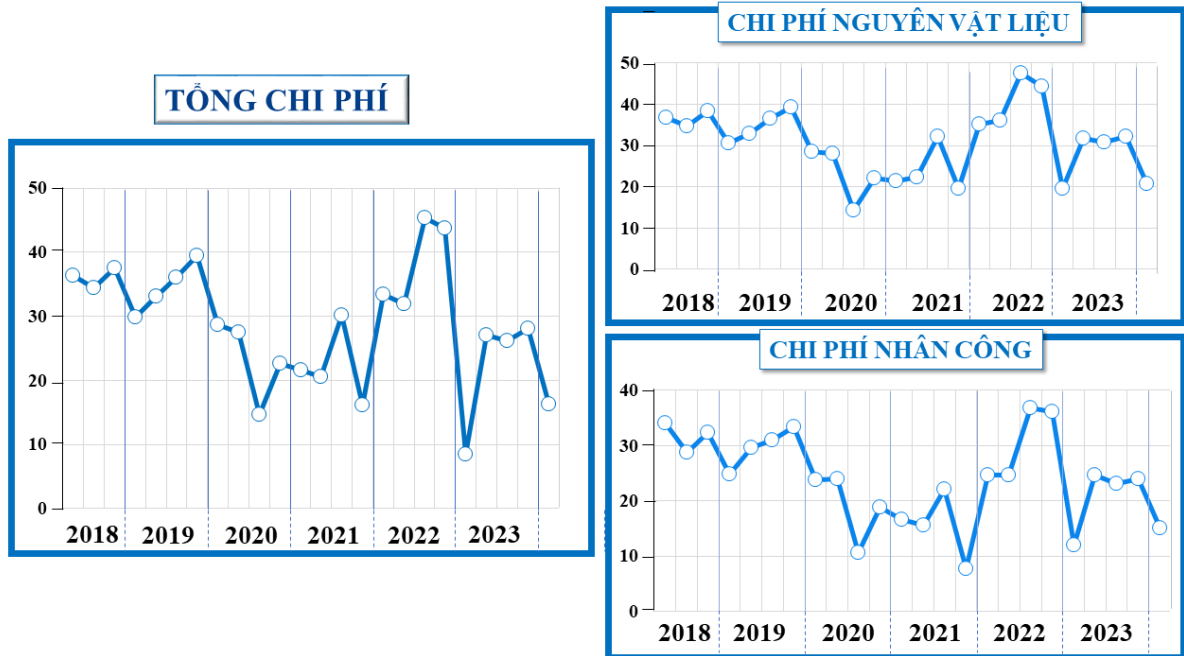
¹⁶ Bao gồm: hoạt động phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, ép cọc; hoạt động hoàn thiện công trình: trát vữa, sơn tường, lắp đặt thiết bị nội thất, lắp hệ thống điện, nước,...

¹⁷ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 26,1% (46,3% doanh nghiệp nhận định tăng và 20,2% doanh nghiệp nhận định giảm).

¹⁸ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 30,7% (49,0% doanh nghiệp nhận định tăng và 18,3% nhận định giảm).

Chỉ số cân bằng chi phí nhân công trực tiếp quý IV/2023 so với quý III/2023 là 24,0% (40,2% doanh nghiệp dự báo tăng và 16,2% dự báo giảm)¹⁹. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 giảm với 15,1% (34,4% doanh nghiệp dự báo tăng và 19,3% dự báo giảm).

HÌNH 15: CHỈ SỐ CÂN BẰNG VỀ CHI PHÍ SXKD (%)



1.4. Các chỉ cổ cân bằng sử dụng lao động

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động chung quý IV/2023 so với quý III/2023 là 2,5% (22,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 19,5% dự báo giảm)²⁰. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 giảm với -6,0% (16,6% doanh nghiệp dự báo tăng và 22,6% dự báo giảm).

Chỉ số cân bằng sử dụng lao động thường xuyên quý IV/2023 so với quý III/2023 là -2,7% (9,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 12,4% dự báo giảm)²¹. Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 giảm với -3,5% (9,2% doanh nghiệp dự báo tăng và 12,7% dự báo giảm).

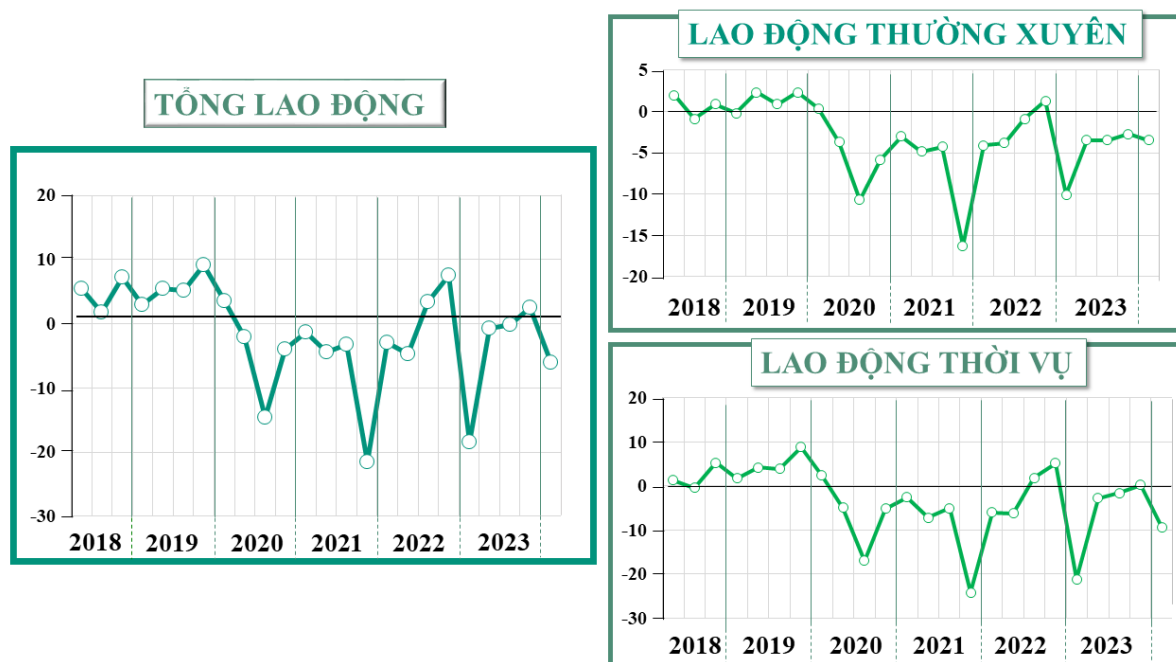
Chỉ số cân bằng sử dụng lao động thời vụ quý IV/2023 so với quý III/2023 là 0,2% (20,0% doanh nghiệp dự báo tăng và 19,8% dự báo giảm)²². Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 giảm với -9,3% (14,7% doanh nghiệp dự báo tăng và 24,0% dự báo giảm).

¹⁹ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 23,1% (40,5% doanh nghiệp nhận định tăng và 17,4% nhận định giảm).

²⁰ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: -0,2% (21,4% doanh nghiệp nhận định tăng và 21,6% nhận định giảm).

²¹ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: -3,5% (10,2% doanh nghiệp nhận định tăng và 13,7% nhận định giảm).

²² Chỉ số tương ứng của quý III/2023: -1,6% (19,7% doanh nghiệp nhận định tăng và 21,3% nhận định giảm).

HÌNH 16: CHỈ SỐ CÂN BẰNG VỀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (%)

2. Biến động của các yếu tố đầu vào

2.1. Sử dụng lao động

Kết quả khảo sát quý IV/2023 cho thấy, có 22,0% doanh nghiệp nhận định lao động trong doanh nghiệp tăng so với quý III/2023; 58,5% doanh nghiệp nhận định lao động không đổi và 19,5% doanh nghiệp nhận định lao động giảm²³.

Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 có 16,6% doanh nghiệp nhận lao động tăng; 60,8% doanh nghiệp nhận định không đổi và 22,6% doanh nghiệp nhận định lao động giảm.

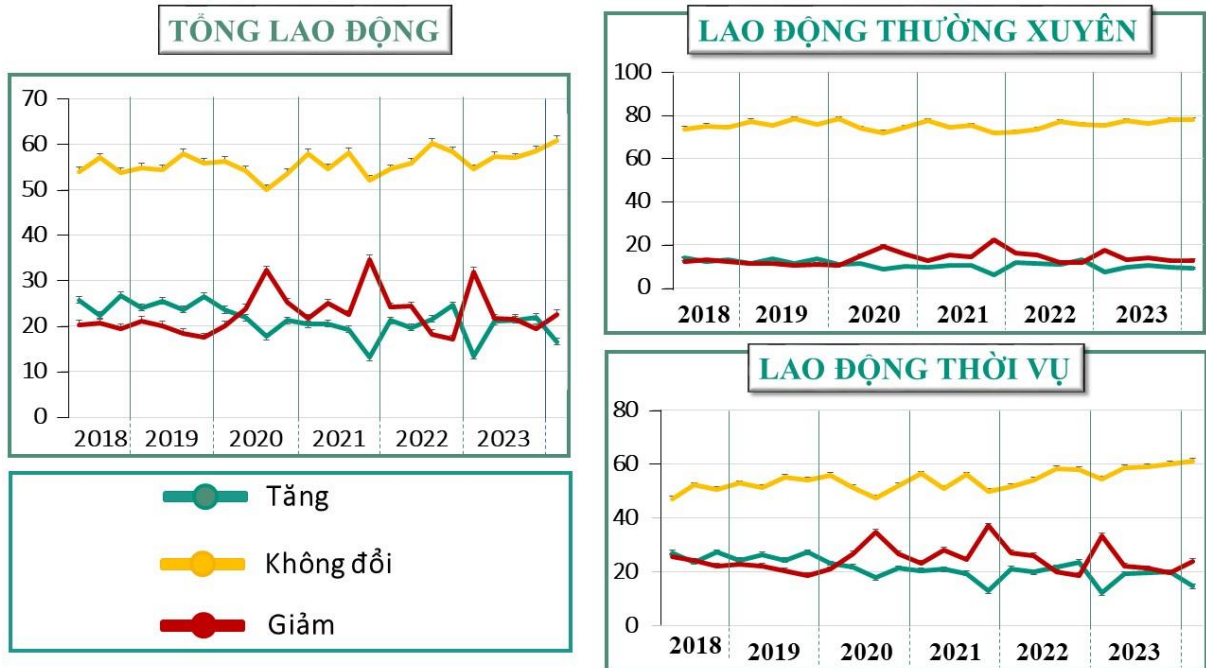
Lao động thường xuyên

Quý IV/2023 có 9,7% doanh nghiệp nhận định lao động thường xuyên tăng so với quý III/2023; 77,9% doanh nghiệp nhận định không đổi và 12,4% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý I/2024, có 9,2% doanh nghiệp nhận định lao động thường xuyên tăng so với quý IV/2023; 78,1% doanh nghiệp nhận định không đổi và 12,7% doanh nghiệp nhận định giảm.

Lao động thời vụ

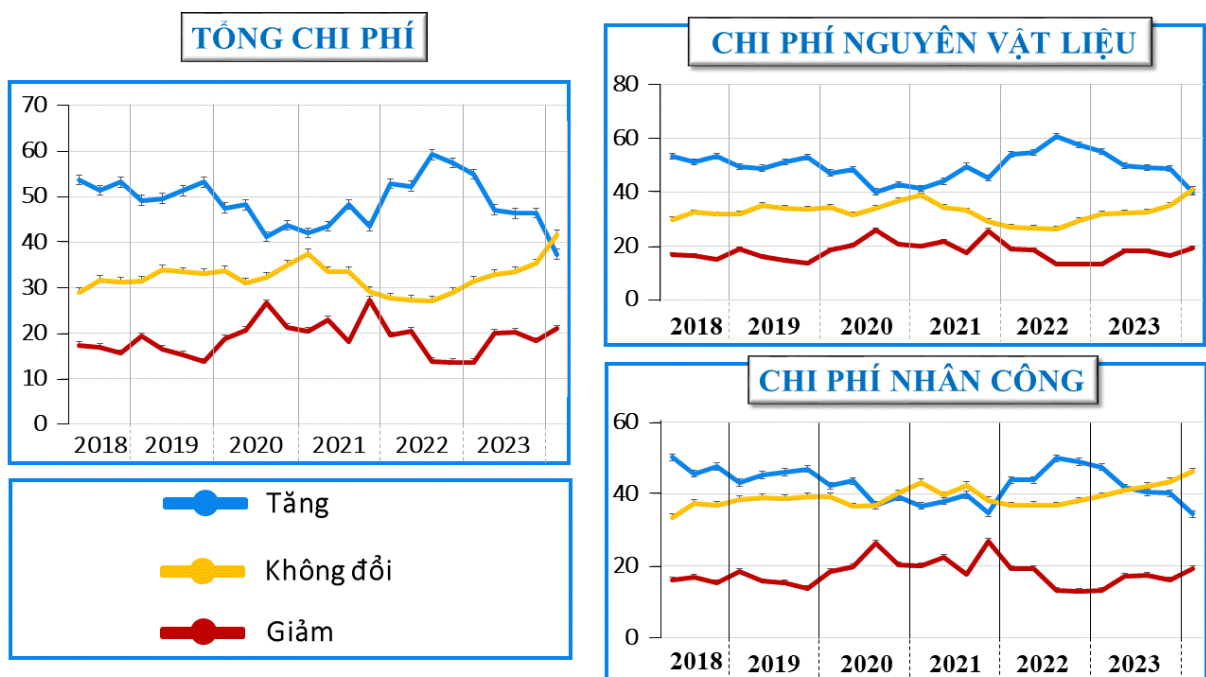
Theo kết quả khảo sát, quý IV/2023 có 20,0% doanh nghiệp nhận định lao động thời vụ tăng so với quý III/2023; 60,2% doanh nghiệp nhận định không đổi và 19,8% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý I/2024, có 14,7% doanh nghiệp nhận định lao động thời vụ tăng so với quý IV/2023; 61,3% doanh nghiệp nhận định không đổi và 24,0% doanh nghiệp nhận định giảm.

²³ Chỉ số tương ứng quý III/2023: 21,4% doanh nghiệp nhận định tăng; 57,0% không đổi và 21,6% doanh nghiệp nhận định giảm.

HÌNH 17: NHẬN ĐỊNH VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (%)

2.2. Chi phí sản xuất

Quý IV/2023, có 46,4% doanh nghiệp nhận định tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm tăng so với quý III/2023; 35,3% doanh nghiệp nhận định không thay đổi, 18,3% doanh nghiệp nhận định tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm giảm²⁴.

HÌNH 18: NHẬN ĐỊNH VỀ CHI PHÍ SXKD (%)

²⁴ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 46,3% nhận định tăng so với quý II/2023; 33,5% doanh nghiệp đánh giá tổng chi phí trên một đơn vị sản phẩm không thay đổi và 20,2% nhận định giảm.

Dự báo quý I/2024 so với quý IV/2023 có 37,3% doanh nghiệp dự báo tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm tăng; 41,7% doanh nghiệp dự báo không đổi và 21,0% doanh nghiệp dự báo tổng chi phí sản xuất trên một đơn vị sản phẩm giảm.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho hoạt động xây dựng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp xây dựng. Kết quả khảo sát cho thấy trong quý IV/2023, có 48,6% doanh nghiệp nhận định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng so với quý III/2023; 34,9% doanh nghiệp nhận định không đổi và 16,5% doanh nghiệp nhận định giảm. Dự báo quý I/2024, có 39,9% doanh nghiệp dự báo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng so với quý IV/2023; 40,9% doanh nghiệp nhận định không đổi và 19,2% doanh nghiệp dự báo giảm.

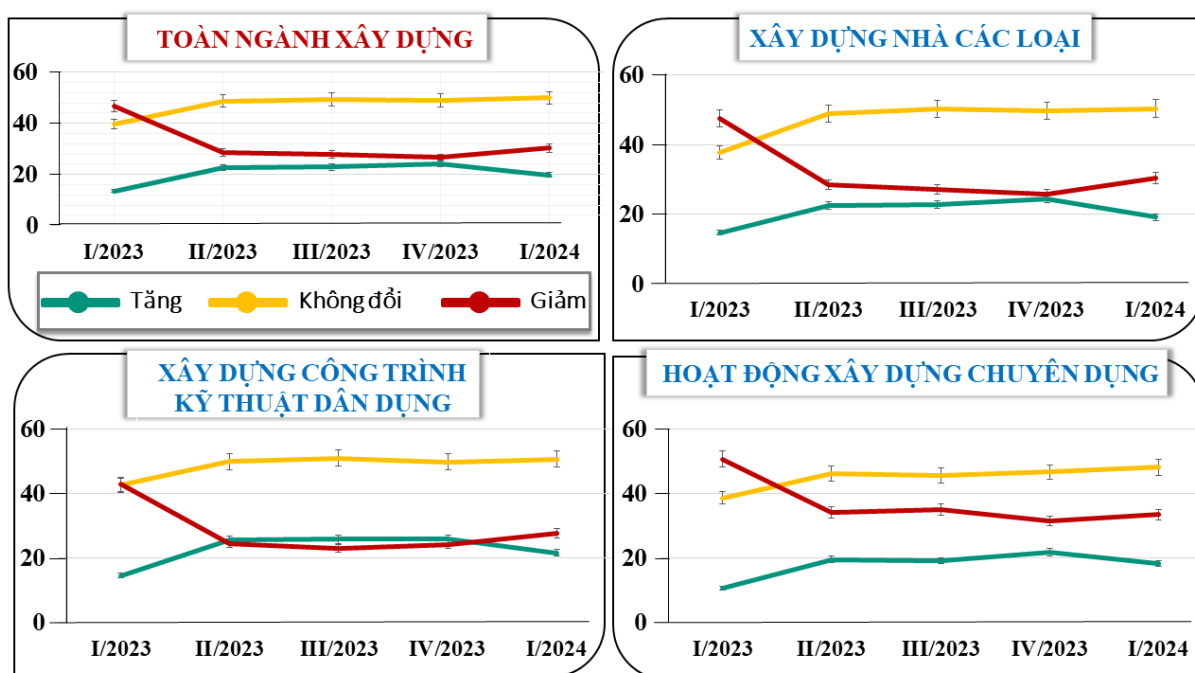
Chi phí nhân công trực tiếp

Quý IV/2023, có 40,2% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp tăng; 43,6% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp không đổi và 16,2% doanh nghiệp nhận định chi phí nhân công trực tiếp giảm so với quý III/2023. Quý I/2024, có 34,4% doanh nghiệp dự báo chi phí nhân công trực tiếp tăng so với quý IV/2023; 46,3% doanh nghiệp nhận định không đổi; 19,3% doanh nghiệp dự báo chi phí nhân công trực tiếp giảm.

2.3. Hợp đồng xây dựng mới

Quý IV/2023 có 24,3% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới tăng so với quý III/2023; 49,0% doanh nghiệp nhận định không có sự thay đổi về số lượng hợp đồng xây dựng mới; 26,7% doanh nghiệp nhận định số

HÌNH 19: NHẬN ĐỊNH VỀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG MỚI (%)

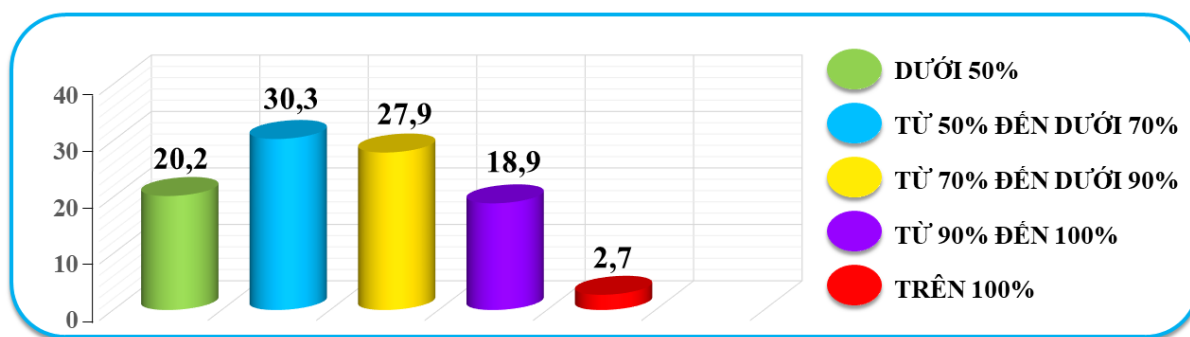


lượng hợp đồng xây dựng mới giảm²⁵. Dự báo quý I/2024, các doanh nghiệp nhận định hợp đồng xây dựng mới ít hơn quý IV/2023 với 19,8% doanh nghiệp nhận định tăng; 49,9% doanh nghiệp nhận định không thay đổi; 30,3% doanh nghiệp nhận định số lượng hợp đồng xây dựng mới giảm.

2.4. Năng lực hoạt động của doanh nghiệp

Kết quả khảo sát quý IV/2023 cho thấy, có 20,2% doanh nghiệp đánh giá hoạt động dưới 50% năng lực thực tế của doanh nghiệp; 30,3% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 50% đến dưới 70% năng lực thực tế; 27,9% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 70% đến dưới 90%; 18,9% doanh nghiệp đánh giá năng lực hoạt động từ 90 đến 100%; 2,7% doanh nghiệp đánh giá doanh nghiệp hoạt động trên 100% năng lực thực tế của doanh nghiệp.

HÌNH 20: NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (%)



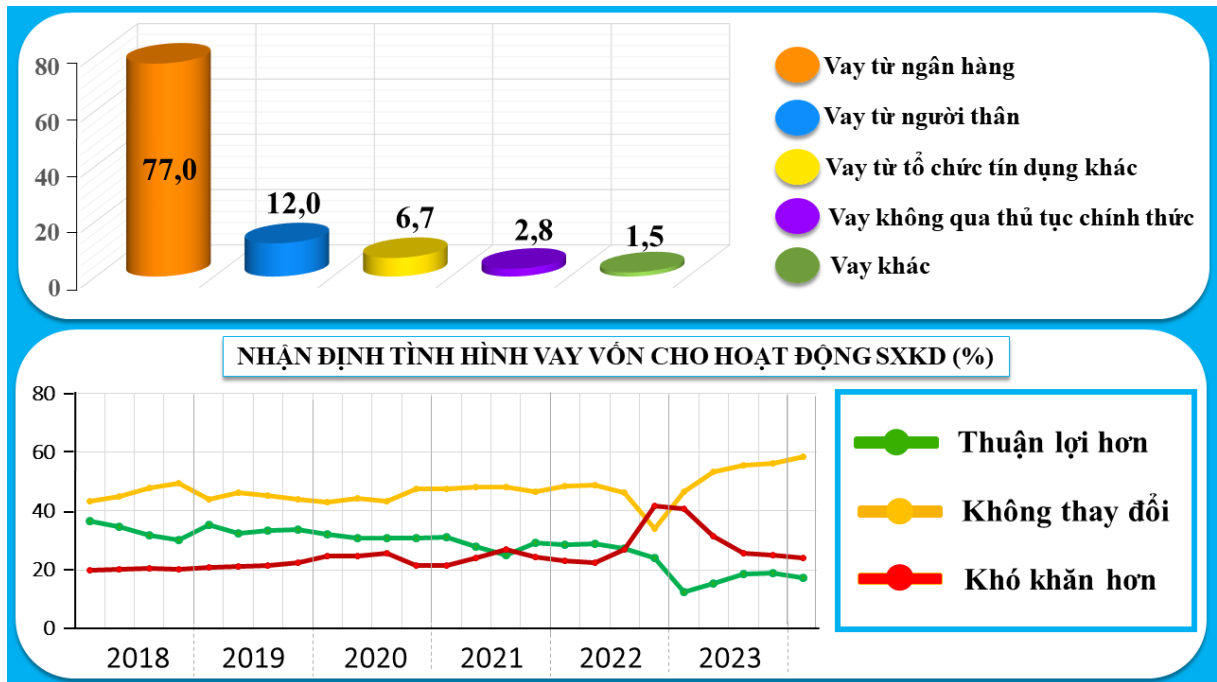
3. Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

Kết quả khảo sát quý IV/2023 cho thấy, có 75,0% doanh nghiệp vay vốn phục vụ SXKD²⁶. Theo nguồn vay, có 77,0% doanh nghiệp vay ngân hàng; 12,0% doanh nghiệp vay người thân, bạn bè; 6,7% doanh nghiệp vay tổ chức tín dụng khác; 2,8% doanh nghiệp vay nhân viên ngân hàng, tổ chức tín dụng không qua thủ tục chính thức; 1,5% doanh nghiệp vay từ các nguồn khác. Trong số các doanh nghiệp có vay vốn ngân hàng phục vụ SXKD, chỉ có 28,4% doanh nghiệp tiếp cận được các khoản vay ưu đãi; 71,6% doanh nghiệp không tiếp cận được các nguồn vay ưu đãi.

Nhận định về tình hình vay vốn cho hoạt động SXKD, có 18,8% doanh nghiệp nhận định vay vốn quý IV/2023 thuận lợi hơn quý III/2023, 56,2% doanh nghiệp nhận định không thay đổi, 25,0% doanh nghiệp nhận định vay vốn khó khăn hơn. Dự báo quý I/2024, có 17,3% doanh nghiệp nhận định vay vốn thuận lợi hơn quý IV/2023, 58,5% doanh nghiệp nhận định không thay đổi, 24,2% doanh nghiệp nhận định vay vốn khó khăn hơn quý IV/2023.

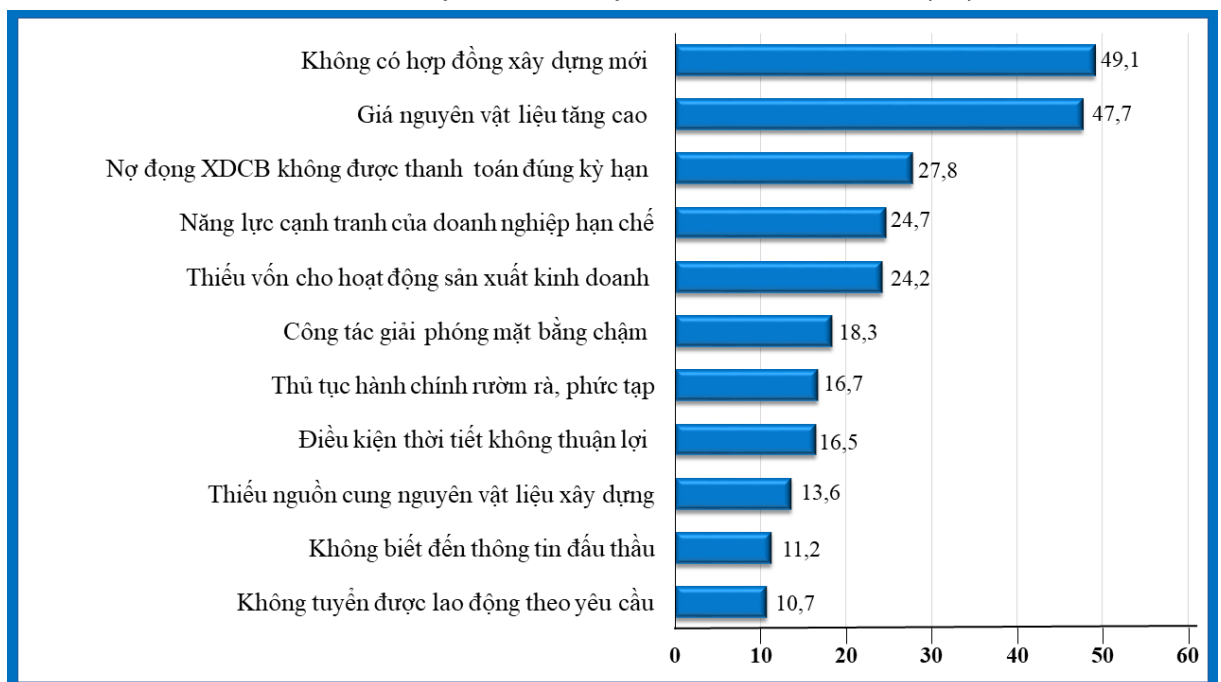
²⁵ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 22,9% nhận định tăng; 49,3% nhận định không thay đổi; 27,8% nhận định giảm.

²⁶ Chỉ số tương ứng của quý III/2023: 76,2% doanh nghiệp vay vốn phục vụ SXKD.

HÌNH 21: VAY VỐN PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH (%)

4. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp

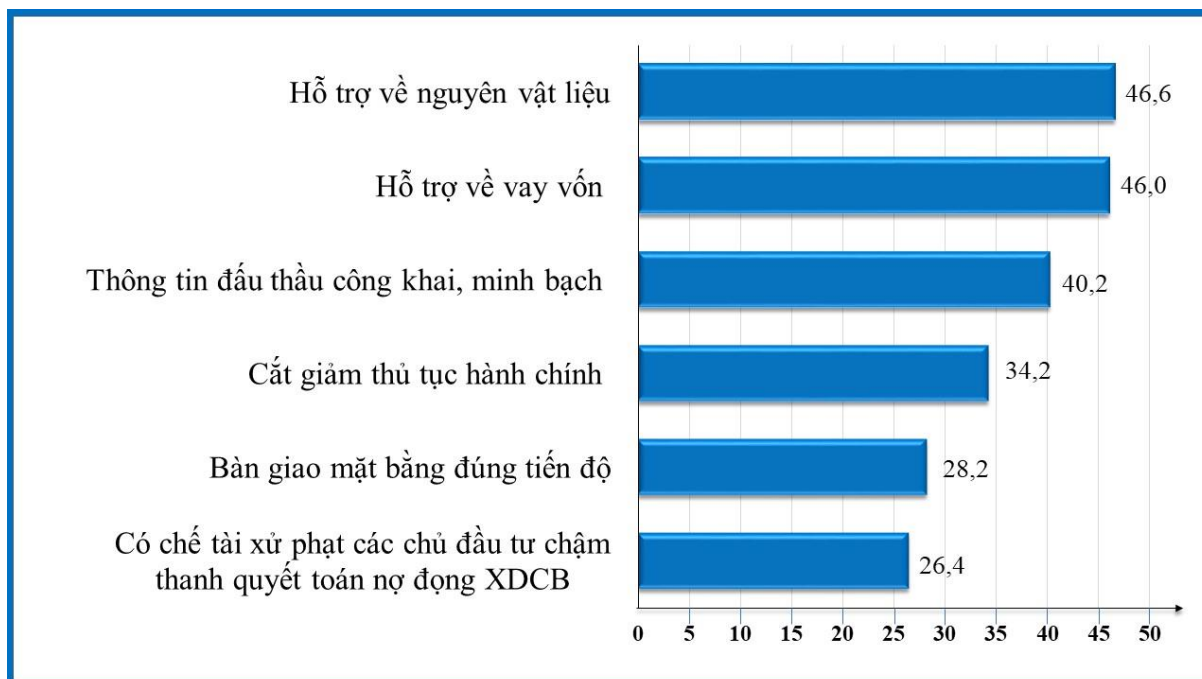
Có hai yếu tố thường ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp xây dựng là “không có hợp đồng xây dựng mới” và “giá nguyên vật liệu tăng cao”. Có 49,1% doanh nghiệp cho rằng “không có hợp đồng xây dựng mới” là yếu tố ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp trong quý IV/2023, dự báo quý I/2024 tỷ lệ này tăng lên với 49,4%. Tương tự, có 47,7% doanh nghiệp nhận định “giá nguyên vật liệu tăng cao” là yếu tố ảnh hưởng đến SXKD của doanh nghiệp trong quý IV/2023, dự báo quý I/2024 tỷ lệ này giảm còn 46,7%.

HÌNH 22: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG QUÝ IV/2023 (%)

5. Kiến nghị của doanh nghiệp

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho hoạt động SXKD, doanh nghiệp xây dựng kiến nghị Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương hỗ trợ doanh nghiệp, cụ thể:

HÌNH 24: KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG (%)



(1) 46,6% doanh nghiệp đề nghị được hỗ trợ về nguyên vật liệu như đảm bảo nguồn cung và bình ổn giá nguyên vật liệu; (2) 46,0% doanh nghiệp đề nghị được hỗ trợ về vốn cho SXKD như được vay vốn ưu đãi, thủ tục vay vốn thuận lợi và nhanh chóng hơn, giảm lãi suất cho vay; (3) 40,2% doanh nghiệp đề nghị thông tin đấu thầu cần công khai, minh bạch; (4) 34,2% doanh nghiệp đề nghị tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính; (5) 28,2% doanh nghiệp đề nghị được bàn giao mặt bằng đúng tiến độ để đảm bảo thời gian thi công đúng hợp đồng đã ký kết; (6) 26,4% doanh nghiệp đề nghị phải có chế tài xử phạt các chủ đầu tư chậm thanh quyết toán nợ đọng xây dựng cơ bản để doanh nghiệp xây dựng quay vòng vốn cho hoạt động SXKD.

Ngoài các nhóm kiến nghị trên, các doanh nghiệp, nhà thầu xây dựng kiến nghị Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương:

Thứ nhất, không có hợp đồng xây dựng mới là một trong những khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp. Doanh nghiệp mong muốn bên cạnh việc công bố rộng rãi thông tin đấu thầu công khai, minh bạch, đề nghị giảm bớt những thủ tục và điều kiện nhận thầu để doanh nghiệp được tiếp cận các dự án mới, nhất là dự án đầu tư công đang được đẩy mạnh trong thời gian này. Các bộ, ngành, địa phương tạo điều kiện để những doanh nghiệp chưa từng nhận thầu có thể trúng thầu chứ không chỉ giao thầu theo lối mòn cho một số ít các doanh nghiệp.

Thứ hai, thủ tục hành chính đã được cải thiện nhiều, tuy nhiên chưa đồng bộ, chưa chặt chẽ và chưa kịp thời nên vẫn ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp. Việc giải ngân vốn và quy trình bổ sung vốn cho dự án đầu tư công còn chậm, ảnh hưởng rất nhiều tới tiến độ thi công. Doanh nghiệp, nhà thầu kiến nghị phải đẩy nhanh hơn nữa quy trình bổ sung vốn cho dự án đầu tư công để doanh nghiệp có nguồn lực thực hiện dự án đầu tư công đúng tiến độ.

Thứ ba, doanh nghiệp tiếp tục kiến nghị cần có chính sách điều chỉnh đơn giá xây dựng so với thời điểm nhận thầu để doanh nghiệp không phải bù lỗ do trượt giá nguyên vật liệu, giá nhân công.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ